

Số: **08** /2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **10** tháng **02** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản
quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 101/TTr-STP ngày
31 tháng 12 năm 2024.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **22** tháng 02 năm 2025 và thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng các Sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 4 (UBND cấp huyện sao gửi UBND cấp xã);
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP;
- Lưu: VT, NC (N_15).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

**Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **08** /2025/QĐ-UBND
ngày **10** tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là dự thảo văn bản quy phạm pháp luật).

2. Những nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn thực hiện tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trừ việc lập, xây dựng văn bản quy định chi tiết tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Quy định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đối với hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định của pháp luật thì yêu cầu cơ quan lập đề nghị hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 3. Hình thức lấy ý kiến đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Lấy ý kiến ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Đề nghị xây dựng nghị quyết tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Dự thảo nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng.

c) Dự thảo quyết định có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc sau khi lấy ý kiến bằng văn bản còn có nhiều quan điểm khác nhau.

d) Các trường hợp đề nghị xây dựng, soạn thảo dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Lấy ý kiến ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản áp dụng đối với các trường hợp khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Mục 1

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 4. Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận đề nghị xây dựng trước khi tổ chức soạn thảo, trừ các nghị quyết, quyết định đã có trong Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Quy định này.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn) có trách nhiệm đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Điều 27, Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy định các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 và Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải nêu rõ sự cần thiết, căn cứ ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; nội dung chính, thời gian dự kiến ban hành; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm việc thi hành văn bản.

Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

b) Đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng nghị quyết, quyết định đối với các trường hợp quy định tại khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phải nêu rõ lý do, cơ sở pháp lý trong Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Đề nghị xây dựng quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn phải nêu các nội dung chính quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

c) Tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến góp ý của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và cơ quan khác.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xây dựng

văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức lấy ý kiến ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết; lấy ý kiến Sở Tư pháp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng quyết định.

b) Trong trường hợp cần thiết hoặc còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn thuộc nội dung của đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo cơ quan đề nghị, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan để thống nhất ý kiến trước khi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp gần nhất.

4. Trách nhiệm của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong thời hạn yêu cầu. Sở Tư pháp cho ý kiến thêm về thời gian trình ban hành văn bản và việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn (nếu có).

b) Sở Tư pháp, Sở Tài chính và cơ quan, tổ chức khác tham gia cuộc họp do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 5. Phân công soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc ý kiến thống nhất của Sở Tư pháp và các cơ quan khác, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công soạn thảo nghị quyết, quyết định.

2. Nội dung phân công soạn thảo bao gồm: cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan phối hợp soạn thảo; thời gian trình; kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết, quyết định.

Điều 6. Đánh giá tác động của chính sách

1. Trường hợp ban hành nghị quyết quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan nêu tại khoản 1 Điều 4 Quy định này thực hiện việc đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

2. Trường hợp ban hành nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan nêu tại khoản 1 Điều 4 Quy định này thực hiện đánh giá tác động của chính sách trong quá trình soạn thảo.

3. Việc đánh giá tác động của chính sách thực hiện theo quy định tại Mục 1

Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; khoản 2 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ tính chất, nội dung của dự thảo để lựa chọn hình thức lấy ý kiến phù hợp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lấy ý kiến; tạo mọi điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình về mục tiêu, sự cần thiết của chính sách, biện pháp trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tùy thuộc vào đối tượng lấy ý kiến, cơ quan chủ trì soạn thảo gợi ý cụ thể về nội dung cần lấy ý kiến; cung cấp các tài liệu có liên quan để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý.

2. Các hình thức lấy ý kiến

a) Trường hợp tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm thì dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến cơ quan, tổ chức được mời tham dự ít nhất trước 03 ngày. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm cử đúng thành phần tham dự và có ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

b) Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý gửi cơ quan chủ trì soạn thảo.

3. Trường hợp sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo văn bản phát sinh nội dung mới liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức hữu quan thì cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, lấy ý kiến đối với những vấn đề mới phát sinh.

4. Cơ quan, tổ chức hữu quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về ý kiến góp ý của mình.

Điều 8. Tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp

luật và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổng hợp, giải trình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về các ý kiến phản biện.

Việc lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện đồng thời với việc lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội.

Điều 9. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định (gọi tắt là Hội đồng) được thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 21, khoản 22 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP. Hội đồng chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi thẩm định, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến thành viên Hội đồng.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia Hội đồng theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 10. Thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Hình thức thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Điều 3 Quy định này.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo

a) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đúng thời hạn và thành phần hồ sơ theo quy định.

b) Giải trình, tiếp thu ý kiến của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo kết luận tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo yêu cầu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày trước ngày tổ chức phiên họp.

b) Trường hợp sau khi lấy ý kiến của ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh mà còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn thuộc nội dung của đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp theo điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này.

4. Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa được thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện và trình lại tại phiên họp tiếp theo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo kết luận của chủ trì phiên họp.

Điều 11. Phối hợp thẩm tra dự thảo nghị quyết

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan khác có liên quan làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết, hoàn thiện dự thảo nghị quyết. Trường hợp sau khi làm việc với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra, cơ quan soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định đối với nội dung đó.

Mục 2

LẬP DANH MỤC, XÂY DỰNG, THEO DÕI VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 12. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và lệnh, quyết định của Chủ tịch nước phải được lập danh mục văn bản quy định chi tiết (sau đây gọi tắt là văn bản quy định chi tiết Luật).

Điều 13. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật

1. Cơ quan chuyên môn có nội dung được giao quy định chi tiết Luật có

trách nhiệm:

a) Đề xuất văn bản quy định chi tiết Luật gồm các nội dung chính như: tên văn bản giao quy định chi tiết; điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời hạn trình ban hành.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông qua; trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành, cơ quan nêu tại khoản 1 điều này gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đến Sở Tư pháp.

c) Đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (nếu có).

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng nghị quyết (nếu có).

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật và việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng quyết định (nếu có).

Điều 14. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết luật

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

b) Chậm nhất là ngày 23 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật về Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản.

b) Hằng tháng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật.

Điều 15. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

1. Cơ quan chuyên môn có nội dung được giao quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

a) Thông báo về nội dung được giao quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc ngày nghị định, quyết định, thông tư được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Lập đề nghị xây dựng văn bản quy định chi tiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc không quá 30 ngày kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết được ban hành; đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng thủ tục trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định (nếu có).

c) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi đồng thời cho Sở Tư pháp) những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ở địa phương bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết.

b) Theo dõi chung, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh

1. Thực hiện nghiêm trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 7 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong trường hợp để xảy ra vi phạm quy định tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm đầy đủ, kịp thời kinh phí và các nguồn lực khác để tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn theo quy định.

3. Tham gia tư vấn thẩm định theo đề nghị của Sở Tư pháp và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn thẩm định trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp; bố trí công chức đáp ứng đủ năng lực, trình độ để làm công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế thuộc cơ quan, đơn vị.

5. Chủ trì tổ chức lập chuyên mục lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Phối hợp đăng tải các dự thảo đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

6. Căn cứ điều kiện, tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ chính trị, chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí ở trung ương, địa phương, tổ chức cá nhân có liên quan tổ chức truyền thông chính sách trong dự thảo văn

bản quy phạm pháp luật bằng các hình thức phù hợp theo yêu cầu của Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” và kế hoạch triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị và gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo quy định.

3. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị hình thức xử lý trách nhiệm đối với các Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp dự thảo văn bản được phân công thực hiện không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

5. Định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo tình hình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Kiểm tra việc tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Quy định này đối với các đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; không trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định.



2. Chỉ đạo việc tổ chức truyền thông dự thảo chính sách trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk bằng hình thức phù hợp, kịp thời, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp

a) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Bố trí đủ kinh phí cho các các sở, ban, ngành để thực hiện hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, công tác pháp chế của cơ quan, đơn vị./.